

CÔNG TY CỔ PHẦN HATANA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HATANA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HATANA VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108580042

3. Ngày thành lập: 09/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 8 thôn Trinh Tiết, Xã Đại Hưng, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
2.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
3.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
4.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
5.	Đại lý du lịch	7911
6.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ được phẩm).	4649
8.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
9.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
10.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
11.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
12.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
13.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
14.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
17.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ thu tiền đỗ xe; - Xuất nhập khẩu hàng hoá công ty kinh doanh	8299

19.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
20.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
21.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
22.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
23.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
24.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Hoạt động đo đạc bản đồ - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác - Thăm tra dự án đầu tư xây dựng (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Lập quy hoạch xây dựng Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Lập, thăm tra dự án đầu tư xây dựng Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Khảo sát xây dựng Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Lập thiết kế, dự toán; thăm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Giám sát thi công xây dựng Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Lập quy hoạch đô thị (Luật quy hoạch đô thị năm 2009); - Kiểm định, giám định chất lượng công trình xây dựng Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Thiết kế kiến trúc công trình (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về	7110

	quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Thiết kế kết cấu công trình (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Thiết kế điện - cơ điện công trình (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Thiết kế cấp - thoát nước (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Khảo sát địa hình (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình (Nghị định 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng (Luật xây dựng 2014) - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Nghị định 59/2015/NĐ-CP) - Đánh giá tác động môi trường (Nghị định 18/2015/NĐ-CP)	
26.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
27.	Điều hành tua du lịch	7912
28.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Rang và lọc cà phê Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc	1079
29.	Xây dựng công trình điện	4221
30.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ các loại Nhà nước cấm).	0730
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
32.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
33.	Xây dựng nhà để ở	4101
34.	Xây dựng nhà không để ở	4102
35.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
36.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
38.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394

39.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản; - Dịch vụ định giá bất động sản; - Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Tư vấn bất động sản;	6820
40.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
41.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
42.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm). Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; - Bán buôn hoa và cây; - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa).	4620
43.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
44.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
48.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
49.	Cơ sở lưu trú khác	5590
50.	Chăn nuôi gia cầm	0146
51.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
52.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
53.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
54.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
55.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
56.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
57.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
58.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321

59.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6810
60.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
62.	Phá dỡ (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng).	4311
63.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
64.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
65.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
66.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
67.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
68.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
69.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
70.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
71.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
72.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
73.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
74.	Khai thác quặng sắt	0710
75.	Sản xuất giày, dép	1520
76.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
77.	Thu gom rác thải độc hại	3812
78.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
79.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium).	4662
80.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
81.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
82.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
83.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
84.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
85.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
86.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
87.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
88.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

89.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...	7120
90.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
91.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
92.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
93.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
94.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
95.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
96.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
97.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC THẢO	Đội 8 thôn Trinh Tiết, Xã Đại Hưng, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	2,500	001189001224	
			Tổng số	50.000	500.000.000	2,500		
2	NGUYỄN DUY HÙNG	Đội 8 thôn Trinh Tiết, Xã Đại Hưng, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.000	15.000.000.000	75,000	001082014279	
			Tổng số	1.500.000	15.000.000.000	75,000		
3	LÊ THỊ TÂN	Đội 8 thôn Trinh Tiết, Xã Đại Hưng, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	22,500	017465180	
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	22,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN DUY HƯNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 07/08/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082014279

Ngày cấp: 22/03/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 8 thôn Trinh Tiết, Xã Đại Hưng, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Đội 8 thôn Trinh Tiết, Xã Đại Hưng, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội